

Mục 3
NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUAN HỆ
GIỮA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 36. Quan hệ giữa Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng thành viên để xem xét, điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng thành viên phải xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền báo lưu ý kiến và kiến nghị lên Tập đoàn.

2. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc quý và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Hội đồng thành viên.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên tham dự hoặc cử đại diện Hội đồng thành viên tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng thành viên do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người đại diện Hội đồng thành viên dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng Tổng giám đốc là người kết luận cuộc họp.

Điều 37. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quyết định của Tập đoàn trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Tập đoàn;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và Tập đoàn. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty và lợi dụng chức vụ, quyền hạn quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Không được đem tài sản của Công ty cho người khác; tiết lộ bí mật của Công ty trong thời gian đang thực hiện chức trách là Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc và trong thời hạn tối thiểu là ba năm sau khi thôi làm Thành viên Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc, trừ trường hợp được Hội đồng thành viên chấp thuận;

d) Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng thành viên, tìm biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính và thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc không được quyết định tăng tiền lương, không được trích lợi nhuận trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động;

e) Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả mà không thực hiện các quy định tại điểm d khoản này thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ;

f) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty vi phạm Điều lệ, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty và Tập đoàn thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

g) Không được để vợ hoặc chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, thủ quỹ của Công ty. Phải báo cáo Tập đoàn về các hợp đồng thương mại, dân sự của Công ty ký kết với vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc; trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc không được ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các thành viên Hội đồng thành viên phải công khai chịu trách nhiệm trước Tập đoàn và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên, kết quả và hiệu quả hoạt động của Công ty.

3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

4. Khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc không được thưởng, không được nâng lương và bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm:

a) Để Công ty lỗ do nguyên nhân chủ quan;

b) Để mất vốn chủ sở hữu của Công ty;

c) Quyết định dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn đầu tư, không trả được nợ;

d) Không bảo đảm tiền lương và các chế độ khác cho người lao động ở Công ty theo quy định của pháp luật về lao động;

e) Để xảy ra các sai phạm về quản lý vốn, tài sản, về chế độ kế toán, kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định.

5. Chủ tịch Hội đồng thành viên thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình mà dẫn đến một trong các vi phạm tại khoản 4 Điều này thì bị miễn nhiệm; tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp để Công ty lâm vào tình trạng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 34 Điều lệ này thì tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả, Chủ tịch Hội đồng thành viên bị hạ lương hoặc bị cách chức, đồng thời phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Công ty lâm vào tình trạng phá sản mà Tổng Giám đốc không nộp đơn yêu cầu phá sản thì bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Tổng Giám đốc không nộp đơn mà Hội đồng thành viên

không yêu cầu Tổng Giám đốc nộp đơn yêu cầu phá sản thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, các Thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm.

8. Trường hợp Công ty thuộc diện tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, các Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm.

Điều 38. Cơ chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc công ty.

Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty cần xây dựng quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động với những nội dung chính sau:

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Công ty; mời Kiểm soát viên tham gia dự họp (nếu có).

2. Thông báo nghị quyết của Hội đồng thành viên cho Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty.

3. Các trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng thành viên và những vấn đề xin ý kiến Hội đồng thành viên.

4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng thành viên về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng thành viên với Tổng Giám đốc.

6. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên.

7. Phối hợp hoạt động quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát giữa các thành viên Hội đồng thành viên, các thành viên Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể:

a) Kiểm soát viên cần thể hiện tốt vai trò kiểm tra, giám sát và đánh giá toàn diện trước, trong và sau mọi hoạt động của Công ty;

b) Tổng Giám đốc khi trình những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng thành viên, cũng đồng thời gửi cho Kiểm soát viên theo phương thức như đối với Hội đồng thành viên;

c) Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên để thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác thông qua người đại diện phần vốn của Công ty và các quyền của cổ đông, bên góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý có liên quan;

d) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty;

e) Các nhiệm vụ khác theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên.

8. Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc Công ty cần thường xuyên thông báo tình hình, kết quả hoạt động cho nhau.

Mục 4 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 39. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Công ty có các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng, do Hội đồng thành viên bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, nghỉ chính sách, thay thế, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

2. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng Giám đốc trong việc điều hành Công ty; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Tổng Giám đốc giao phù hợp với Điều lệ này; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Việc ủy quyền có liên quan đến ký kết hợp đồng hoặc liên quan đến sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty; giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

4. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

5. Chế độ lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của Công ty và của Tập đoàn.

Điều 40. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ (sau đây gọi chung là các Phòng tham mưu) có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty cũng như trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, của cổ đông, của thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác.

2. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng và các Phòng tham mưu do Hội đồng thành viên quyết định trên cơ sở thỏa thuận của Tập đoàn.

Mục 5 KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 41. Nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm soát viên:

1. Kiểm soát viên Công ty được Tập đoàn bổ nhiệm với số lượng không quá 03 (ba) Kiểm soát viên, trong đó có 01 (một) kiểm soát viên phụ trách chung để lập kế hoạch công tác, phân công điều phối công việc của các kiểm soát viên. Trong 03 (ba) Kiểm soát viên tối thiểu phải có 01 (một) Kiểm soát viên chuyên trách.

Nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm. Trong trường hợp vào thời điểm hết hạn bổ nhiệm mà các kiểm soát viên chưa được Chủ sở hữu bổ nhiệm lại hoặc chưa điều động làm công việc khác thì vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi được bổ nhiệm lại hoặc điều động làm công việc khác.

Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Kiểm soát viên: Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm khen thưởng, kỷ luật Kiểm soát viên, Kiểm soát viên phụ trách chung do Tập đoàn quyết định theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên được quy định như sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành, nghề kinh doanh của công ty;

d) Kiểm soát viên không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp.

3. Nghĩa vụ và trách nhiệm của kiểm soát viên:

a) Tuân thủ Pháp luật, Quy chế hoạt động, Điều lệ Công ty, Quyết định của Chủ sở hữu trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty, Chủ sở hữu. Trong quá trình kiểm soát không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức và cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời đầy đủ và chính xác cho Công ty về các Doanh nghiệp thành viên và người có liên quan đến Kiểm soát viên làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

đ) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Chủ sở hữu đối với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Kiểm soát viên.

Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu và trước pháp luật về các hành vi cố ý bỏ qua hoặc bao che các vi phạm tại Công ty.

Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm quy định tại Điều lệ này, quyết định vượt thẩm quyền, lạm dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty và Chủ sở hữu thì tùy theo mức độ phải bồi thường thiệt hại hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật.

e) Kịp thời phát hiện, ngăn chặn và báo cáo Chủ sở hữu về những hoạt động không bình thường, trái quy định hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ và vi phạm các Quy chế, quy định khác của Công ty;

f) Kiểm soát viên có trách nhiệm báo cáo cho, Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên Tập đoàn theo định kỳ hằng tháng, quý, năm.

g) Khi cơ quan thanh tra, kiểm tra của Nhà nước tiến hành thanh, kiểm tra các hoạt động của Công ty, nếu có yêu cầu của các cơ quan này và được sự chấp thuận của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên của Công ty thì Kiểm soát viên có trách nhiệm cung cấp các tài liệu và phối hợp làm việc chặt chẽ;

h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Quyền hạn của kiểm soát viên:

a) Kiểm tra, giám sát việc quản lý và điều hành của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, bộ máy tham mưu giúp việc của Công ty và Doanh nghiệp thành viên, đơn vị phụ thuộc theo kế hoạch hoặc đột xuất;

b) Có quyền tiếp cận bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào có liên quan đến nhiệm vụ kiểm soát tại trụ sở chính hay chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty, Doanh nghiệp thành viên, đơn vị phụ thuộc mà Kiểm soát viên thực hiện kiểm tra. Các cá nhân, tổ chức có trách nhiệm cung cấp tài liệu cần thiết phục vụ cho việc kiểm tra giám sát và phải chịu trách nhiệm về sự đúng đắn, trung thực, chính xác và hợp pháp của tài liệu, số liệu đã cung cấp;

c) Được sử dụng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ để thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên, được quyền yêu cầu các bộ phận nghiệp vụ giải trình, xuất trình các văn bản, chứng từ, sổ sách và các tài liệu liên quan khác trong hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ. Được sử dụng con dấu của Công ty trong việc phát hành các văn bản của Kiểm soát viên.

Khi thực hiện nhiệm vụ, nếu xét thấy cần thiết, Kiểm soát viên có quyền gửi văn bản đề nghị Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc cho trung dụng một số cán bộ nghiệp vụ làm việc trong Công ty để giúp Kiểm soát viên thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát.

d) Được tham dự Hội nghị người lao động hàng năm của Công ty, các đơn vị phụ thuộc; các cuộc họp - liên quan đến tổ chức thực hiện quyền của Chủ sở hữu và các nội dung giám sát của Chủ sở hữu tại Công ty do Hội đồng thành viên chủ trì; họp giao ban hàng tháng, quý, họp sơ kết 6 tháng và tổng kết hàng năm; họp chuyên đề chuẩn bị các đề án trình Hội đồng thành viên do Tổng Giám đốc chủ trì; Hội thi tay nghề, các lớp đào tạo nghiệp vụ, phổ biến chế chế độ chính sách của Công ty và cơ quan cấp trên... Khi tham gia họp, Kiểm soát viên có quyền phát biểu ý kiến và có quyền đưa ra các kiến nghị;

e) Văn phòng Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin về quản lý nghiệp vụ theo hệ thống phát hành trong nội bộ cho Kiểm soát viên như: Nghị quyết của Hội đồng thành viên, kết luận họp giao ban của Ban Tổng giám đốc, các văn bản có liên quan đến việc thực hiện các Nghị quyết Quyết định của Hội đồng thành viên, Báo cáo tài chính của công ty, Báo cáo kiểm toán độc lập và các văn bản liên quan đến công tác tổ chức như: bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ..., các công văn đến từ Tập đoàn;

f) Có thể tham gia cùng các đoàn công tác của các phòng ban chức năng thuộc bộ máy điều hành xuống các đơn vị thành viên để thực hiện việc kiểm tra theo chương trình định kỳ hoặc đột xuất;

g) Trong trường hợp cần thiết, Kiểm soát viên được mời các chuyên gia, tổ chức tư vấn chuyên ngành để phục vụ công tác của Kiểm soát viên, sau khi có ý kiến đồng ý của Hội đồng thành viên Công ty.

Mục 6

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG THAM GIA QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 42. Hình thức tham gia quản lý doanh nghiệp của người lao động

Người lao động trong Công ty tham gia quản lý doanh nghiệp thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể người lao động hoặc Hội nghị đại biểu người lao động các cấp của Công ty;

2. Tổ chức Công đoàn Công ty.

3. Ban Thanh tra nhân dân.

4. Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động

Người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau đây:

1. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất Công ty.

2. Phương án chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, đa dạng hóa sở hữu Công ty.

3. Các nội quy, quy chế của Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

4. Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất, tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Công ty.

5. Bổ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng khi được các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, phù hợp quy định của pháp luật.

6. Thông qua Hội nghị toàn thể người lao động hoặc Hội nghị đại biểu Người lao động và tổ chức Công đoàn, người lao động có quyền thảo luận và biểu quyết quyết định các vấn đề sau đây:

a) Nội dung hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung thỏa ước lao động tập thể để đại diện tập thể người lao động ký kết với Tổng Giám đốc;

b) Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với quy định của Nhà nước, Điều lệ của Công ty và quy định của Tập đoàn;

c) Đánh giá kết quả hoạt động và chương trình hoạt động của Ban thanh tra nhân dân;

d) Bầu Ban thanh tra nhân dân.

Chương V

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY, QUAN HỆ CỦA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Mục 1

TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 44. Nguyên tắc quản lý, điều hành Công ty

Công ty được quản lý, điều hành kết hợp theo các phương thức sau:

1. Quản lý, điều hành thông qua Công ty.

2. Quản lý, điều hành thông qua các hình thức đầu tư, liên kết.

3. Quản lý, điều hành thông qua thỏa thuận, hợp tác sử dụng dịch vụ chung trong Công ty theo nguyên tắc thị trường.

Điều 45. Quản lý, điều hành Công ty

1. Công ty sử dụng quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn tại các công ty con, công ty liên kết và quyền của cổ đông, thành viên để phối hợp, định hướng hoạt động của Công ty:

a) Sử dụng bộ máy quản lý, điều hành tại Công ty hoặc thành lập bộ phận riêng để nghiên cứu, hoạch định chiến lược, đề xuất giải pháp phối hợp, định hướng các hoạt động quy định tại Khoản 2 Điều này để trình Hội đồng thành viên Công ty thông qua; thông qua người đại diện theo ủy quyền tại các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty thực hiện các nội dung phối hợp, định hướng quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Thông qua việc thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng liên kết cùng các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty để phối hợp, định hướng hoạt động của Công ty;

c) Xây dựng các quy chế thống nhất trong Công ty.

2. Nội dung phối hợp, định hướng của Công ty bao gồm:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của Công ty; định hướng chiến lược kinh doanh của các công ty con theo chiến lược phát triển chung; kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của Công ty; xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý, điều hành và tiêu chuẩn, định mức áp dụng thống nhất trong Công ty;

b) Phân loại doanh nghiệp thành viên Công ty theo vị trí và tầm quan trọng trong chiến lược phát triển chung của Công ty; xác định danh mục ngành, nghề kinh doanh chính, danh mục doanh nghiệp thành viên chủ chốt; định hướng doanh nghiệp thành viên theo ngành, nghề kinh doanh chính; quản lý và định hướng người đại diện đảm bảo quyền chi phối của Công ty tại các doanh nghiệp chủ chốt, chống lại việc thôn tính của các Công ty hoặc doanh nghiệp khác;

c) Định hướng kế hoạch sản xuất, kinh doanh 05 năm, dài hạn của các doanh nghiệp thành viên Công ty;

d) Định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thị trường, xuất khẩu, sử dụng thương hiệu, dịch vụ thông tin, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo và các hoạt động khác của các doanh nghiệp thành viên Công ty theo chính sách chung của Công ty;

e) Xây dựng và thực hiện quy chế quản lý thương hiệu Công ty; định hướng về thành tố chung trong tên gọi riêng của các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty;

f) Định hướng về tổ chức, cán bộ đối với các công ty con;

g) Định hướng nội dung Điều lệ, kiểm soát cơ cấu vốn điều lệ của công ty con;

h) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia quản lý, điều hành ở công ty con. Ban hành và thực hiện quy chế cử, thay thế, giám sát, đánh giá hoạt động của người đại diện theo ủy quyền; quy định những vấn đề phải được Công ty thông qua trước khi người

đại diện theo ủy quyền quyết định hoặc tham gia quyết định tại các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty;

l) Làm đầu mối tập hợp các nguồn lực của các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty để thực hiện đầu thu và triển khai thực hiện các dự án chung do các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty cùng thỏa thuận và thực hiện;

k) Thực hiện và cung cấp dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tiếp thị, xúc tiến thương mại và các dịch vụ khác cho các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty;

l) Phối hợp hình thành, quản lý và sử dụng có hiệu quả các quỹ chung; giám sát tài chính và kiểm soát rủi ro; hỗ trợ hoạt động tài chính cho các doanh nghiệp thành viên Công ty khi được các doanh nghiệp này đề nghị;

m) Phối hợp thực hiện các công việc hành chính, các giao dịch với các đối tác cho các doanh nghiệp thành viên Công ty khi được các doanh nghiệp này đề nghị; thực hiện nhiệm vụ công ích và các công việc do Nhà nước giao cho Công ty;

n) Thiết lập, kết nối mạng lưới thông tin toàn bộ các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty;

o) Xây dựng báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty;

p) Tham vấn các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty trong thực hiện các hoạt động chung;

q) Tổ chức việc thực hiện giám sát định hướng, điều hòa, phối hợp giữa các bộ phận trong Công ty;

r) Các hoạt động khác phù hợp với đặc điểm của Công ty, quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty.

3. Công ty và các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty có các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định pháp luật; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp mình; chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng liên kết, thỏa thuận giữa các doanh nghiệp.

4. Việc phối hợp, định hướng trong Công ty phải phù hợp với quy định của pháp luật; Điều lệ của các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty; quyền của chủ sở hữu tại Công ty hoặc thỏa thuận giữa Công ty với các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty; vị trí của Công ty đối với từng hoạt động phối hợp với các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty.

5. Trường hợp Công ty lạm dụng vị thế của mình, can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông hoặc trái với các cam kết và thỏa thuận giữa các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết Công ty, làm tổn hại đến lợi ích của các doanh nghiệp thành viên Công ty, các bên có liên quan, thì Công ty và những người có liên quan phải chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 46. Trách nhiệm của Công ty trong quản lý, điều hành Công ty

1. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về báo đảm mục tiêu kinh doanh ngành, nghề chính và các mục tiêu khác do Tập đoàn giao cho Công ty.

2. Quản lý danh mục đầu tư tại Công ty nhằm đảm bảo điều kiện về đầu tư và cơ cấu ngành, nghề theo quy định; theo dõi, giám sát danh mục đầu tư của Công ty tại công ty con; theo dõi, giám sát ngành, nghề kinh doanh của các công ty con.

3. Cung cấp thông tin và báo cáo các nội dung quy định tại Điều lệ này.

4. Báo cáo cơ quan quản lý cạnh tranh và chịu sự giám sát của cơ quan quản lý cạnh tranh về tập trung kinh tế trong Công ty.

5. Thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp phù hợp với hình thức pháp lý đã đăng ký và các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

6. Xây dựng và thực hiện hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền tại các doanh nghiệp thành viên Công ty. Hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động đối với người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các yêu cầu:

a) Có các chỉ tiêu chính cho mỗi chức danh;

b) Định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động;

c) Có cơ chế khuyến khích;

d) Có các chế tài xử lý vi phạm.

7. Xây dựng và thực hiện chính sách nhân sự quản lý tại Công ty và đối với người đại diện theo ủy quyền tại các doanh nghiệp thành viên Công ty. Chính sách nhân sự quản lý phải bao gồm:

a) Các tiêu chuẩn về kinh nghiệm và trình độ quản lý;

b) Phương pháp và quy trình tuyển chọn (kể cả thi tuyển), bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo quản lý thuộc quyền của Công ty; tuyển chọn, đề cử để cấp có thẩm quyền lựa chọn, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo quản lý của Công ty;

c) Hệ thống đánh giá hiệu quả quản lý áp dụng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt tại Công ty, công ty con và người đại diện theo ủy quyền tại các doanh nghiệp trong toàn Công ty;

d) Nguyên tắc và phương pháp trả lương và thưởng có tính cạnh tranh;

e) Các chế tài xử lý vi phạm.

8. Hướng dẫn công ty con để điều hành, hạch toán thống nhất.

Điều 47. Quản lý, điều hành Công ty thông qua các hình thức đầu tư, liên kết, giao dịch, trao đổi thông tin

Các doanh nghiệp thành viên trong Công ty có thể sử dụng các hình thức sau để liên kết với nhau:

1. Đầu tư, mua bán sản phẩm, dịch vụ; hỗ trợ về công nghệ; phát triển thương hiệu giữa các thành viên với nhau.

2. Thỏa thuận về cơ chế tin dụng nội bộ Công ty; cơ chế báo lãnh tin dụng theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức hội nghị hoặc các cuộc họp tham vấn:

a) Giữa người quản lý, điều hành tại Công ty với người đại diện phần vốn của mình tại các doanh nghiệp thành viên để định hướng, điều hòa, phối hợp các hoạt động;

b) Giữa các bộ phận chức năng của Công ty và của các doanh nghiệp thành viên để triển khai các vấn đề chuyên môn.

4. Công ty có quyền điều chuyển người đại diện phần vốn là người quản lý giữa các doanh nghiệp thành viên theo phân cấp của Tập đoàn

Điều 48. Quy định về hạn chế đầu tư và về ngành, nghề kinh doanh trong Công ty

1. Doanh nghiệp bị chi phối thì không được mua cổ phần, góp vốn vào doanh nghiệp giữ quyền chi phối trong Công ty.

2. Việc đầu tư vốn ra ngoài Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các doanh nghiệp thành viên của Công ty được đăng ký những ngành, nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, nhưng phải tập trung đầu tư và hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề kinh doanh chính và ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính; chịu sự giám sát của Tập đoàn về việc đầu tư, tỷ lệ vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư vào ngành, nghề kinh doanh chính, ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính và ngành, nghề không liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính.

Tập đoàn quyết định việc kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh; quyết định việc điều chỉnh hoặc thay đổi đối với các ngành, nghề kinh doanh; giám sát kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh chính, các ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính, ngành, nghề không liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính.

Mục 2 QUAN HỆ CỦA CÔNG TY VỚI TẬP ĐOÀN

Điều 49. Mối quan hệ giữa Công ty với Tập đoàn

1. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty đối với Tập đoàn:

Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm với Tập đoàn theo qui định, phân cấp tại các Điều 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 22, 23, 26, 35 và các điều, khoản có liên quan tới trách nhiệm, nghĩa vụ của công ty đối với Tập đoàn tại Điều lệ này, trong đó:

- Thực hiện các quyết định phân cấp của Tập đoàn đối với công ty.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Tập đoàn.

- Thực hiện các nghĩa vụ, các khoản đóng góp về tài chính đối với Tập đoàn theo đúng qui định của pháp luật, phù hợp chủ trương của nhà nước và các qui định hiện hành.

2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tập đoàn đối với Công ty:

Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của Tập đoàn đối với công ty qui định tại Điều 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 22, 23, 26, 35 và các điều, khoản có liên quan tới trách nhiệm, nghĩa vụ của Tập đoàn đối với công ty tại Điều lệ này, trong đó:

- Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ, đầu tư bổ sung đủ vốn điều lệ theo qui định của pháp luật, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho các tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Pháp luật.

- Phê duyệt các dự án đầu tư, hợp tác liên doanh trong và ngoài nước. Phân cấp cho Công ty quyết định các dự án đầu tư phù hợp với quy định hiện hành.

- Tập đoàn không trực tiếp rút vốn đã đầu tư vào Công ty. Việc rút vốn chỉ được thực hiện thông qua phương thức bán lại số vốn đã đầu tư cho các tổ chức, cá nhân khác. Trường hợp tổ chức lại hoặc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty, Tập đoàn được trực tiếp rút vốn đã đầu tư vào Công ty trên cơ sở phải đảm bảo đủ vốn điều lệ và khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty.

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm và việc phân phối lợi nhuận sau thuế của Công ty.

- Chi khen thưởng cho các đơn vị thành viên theo Quy chế khen thưởng của Tập đoàn.

Mục 3 **QUAN HỆ CỦA CÔNG TY** **VỚI CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC**

Điều 50. Quan hệ giữa Công ty và các đơn vị sự nghiệp

1. Đơn vị sự nghiệp thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao. Đơn vị sự nghiệp được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ với các đơn vị trong và ngoài Công ty.

2. Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 51. Quan hệ giữa Công ty với các công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Các công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ gồm:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Công ty ở nước ngoài do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Các công ty nêu tại khoản 1 Điều này được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại hình công ty đó.

3. Công ty là chủ sở hữu của các công ty con nêu tại khoản 1 Điều này. Hội đồng thành viên Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty này. Hội đồng thành viên giao Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà công ty con báo cáo Công ty để trình Hội đồng thành viên thông qua hoặc quyết định;

b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên đối với công ty con;

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại công ty con.

d) Hướng dẫn, thỏa thuận, quyết định một số nội dung quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như: định sản xuất kinh doanh chính, kế hoạch đầu tư, tài chính kế toán, xây dựng cơ bản, kỹ thuật nông nghiệp, lao động tiền lương, tổ chức cán bộ.

4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với công ty con nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo các khoản có liên quan được quy định của Tập Đoàn, các qui định tại Điều lệ này và các quy định dưới đây:

a) Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ theo đề nghị của Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty con; Tổng Giám đốc/Giám đốc công ty con (đối với công ty con không có Hội đồng thành viên) theo quy mô hoạt động và phù hợp với các quy định của pháp luật.

b) Quyết định mô hình tổ chức và cơ cấu quản lý, các hình thức và biện pháp tổ chức lại công ty con theo quy định tại Điều lệ của công ty con; Thỏa thuận để công ty con thành lập, tổ chức lại, giải thể các chi nhánh, đơn vị sự nghiệp, đơn vị phụ thuộc, bộ máy giúp việc, công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc Công ty.

c) Quyết định các hình thức đầu tư ra ngoài và bán tài sản có giá trị trên 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của công ty con được công bố tại quý gần nhất hoặc một giá trị khác được quy định tại Điều lệ của công ty con; thông qua và trình cấp có thẩm quyền cho phép công ty con đầu tư ra nước ngoài.

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và đánh giá hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh, tài chính của Công ty con.

đ) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ của công ty con nhưng không trái với Điều lệ này.

5. Công ty nêu tại khoản 1 Điều này có quyền ký kết hợp đồng, thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tổ chức và nhân sự... theo quy định của pháp luật, Điều lệ của công ty con; phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên công ty con.

6. Giám đốc, Chủ tịch hoặc Hội đồng thành viên Công ty quyết định các dự án đầu tư, các hợp đồng mua, bán tài sản, hợp đồng thuê, cho thuê, hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác theo Quy chế phân cấp, ủy quyền của Hội đồng thành viên Công ty, Điều lệ của các công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 52. Quan hệ giữa Công ty với các công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối hoặc Công ty giữ quyền chi phối

1. Công ty con là: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài do Công ty chi phối gồm:

a) Các công ty có trên 50% vốn điều lệ là cổ phần hoặc vốn góp của Công ty;

b) Công ty con có vốn góp của Công ty bằng hoặc nhỏ hơn 50% vốn điều lệ (cổ phần hoặc vốn góp), nhưng bị Công ty chi phối bởi một trong các yếu tố như: thị trường,

bí quyết công nghệ, thương hiệu, quản lý quy hoạch sử dụng đất đai và các yếu tố khác theo quy định của pháp luật.

2. Các công ty con được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp luật của loại hình doanh nghiệp đó.

3. Công ty là chủ sở hữu, đối với phần vốn góp của Công ty tại các công ty con. Hội đồng thành viên Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn hoặc cổ phần của Công ty tại các công ty này.

4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với các công ty con được quy định tại Điều lệ này và những quy định sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh thông qua người đại diện tại công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.

b) Cử, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, người đại diện phần vốn góp của Công ty sau khi được Tập đoàn chấp thuận; quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện phần vốn góp của Công ty.

c) Yêu cầu người đại diện phần vốn góp của Công ty báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con.

d) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện phần vốn góp tại công ty con xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại công ty; báo cáo việc sử dụng quyền của cổ đông, thành viên góp vốn chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của công ty con.

đ) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của Công ty ở công ty con.

e) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào công ty con.

f) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào công ty con.

g) Định hướng việc lựa chọn công nghệ mới, xây dựng kế hoạch dài hạn về phát triển trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su, chế biến gỗ và sản xuất, kinh doanh theo kế hoạch và quy hoạch của Công ty.

h) Phối hợp nghiên cứu khoa học công nghệ; định hướng phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu, khai thác thị trường trong và ngoài nước;

h) Sử dụng thương hiệu nhãn hiệu, tên thương mại của Công ty theo quy định của pháp luật có liên quan;

k) Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ công ích nhà nước giao hoặc đặt hàng;

l) Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm: tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà Công ty con báo cáo Công ty để trình Hội đồng thành viên xem xét, thông qua hoặc quyết định; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên Công ty đối với Công ty con; kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh tại Công ty con.

5. Công ty con thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định dưới đây:

a) Công ty con có các quyền sau đây:

- Tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh trên cơ sở hợp đồng ký kết với Công ty và các đơn vị trong Công ty;
- Được tham gia các hình thức đầu tư với Công ty hoặc các đơn vị thành viên khác trong Công ty theo quy định của pháp luật;
- Được Công ty giao thực hiện các hợp đồng kinh doanh, các dự án đầu tư trên cơ sở hợp đồng ký kết và thỏa thuận với Công ty.

b) Khi thực hiện các hoạt động nêu tại Điểm a Khoản này, công ty con có các nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện các cam kết trong hợp đồng đã ký;
- Thực hiện các quy chế, quy định, quy trình, quy phạm, các chỉ tiêu, tiêu chuẩn, định mức kỹ thuật, các hướng dẫn có liên quan do Công ty ban hành;
- Chịu sự giám sát, hướng dẫn, đôn đốc của cơ quan quản lý, điều hành của Công ty;
- Thực hiện chi trả tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng cho người đại diện.

Điều 53. Quan hệ giữa Công ty với công ty liên kết

1. Công ty liên kết của Công ty: là công ty mà Công ty có cổ phần, vốn góp bằng hoặc nhỏ hơn 50% vốn điều lệ.

2. Các công ty liên kết có thể là công ty có tư cách pháp nhân Việt Nam hoặc công ty ở nước ngoài. Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với các công ty liên kết theo quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật nước ngoài, theo Điều lệ công ty và các điều khoản liên quan của Điều lệ này.

3. Công ty quản lý cổ phần, vốn góp thông qua người đại diện; thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông, bên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết.

4. Công ty quan hệ với công ty liên kết thông qua hợp đồng hoặc thỏa thuận về: định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển thị trường; phát triển diện tích trồng, chăm sóc, khai thác cao su; đầu tư, kinh doanh các ngành, nghề mà luật pháp không cấm; liên kết nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực; sử dụng thương hiệu chung của Công ty trong kinh doanh và các hoạt động khác.

Điều 54. Quan hệ giữa Công ty với công ty tự nguyện liên kết

1. Công ty tự nguyện liên kết bao gồm các công ty ở trong nước và các công ty ở nước ngoài, là doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp của Công ty nhưng tự nguyện liên kết với Công ty trên cơ sở thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết.

2. Công ty tự nguyện liên kết chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Công ty và các đơn vị thành viên khác của Công ty theo thỏa thuận hoặc hợp đồng.

3. Công ty quan hệ với công ty tự nguyện liên kết thông qua hợp đồng hoặc thỏa thuận về: định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển thị trường; phát triển diện tích trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su; đầu tư, kinh doanh các ngành, nghề mà luật pháp không cấm; liên kết nghiên cứu khoa học công nghệ và phát

triển nguồn nhân lực; sử dụng thương hiệu chung của Công ty trong kinh doanh và các hoạt động khác.

Điều 55. Quan hệ giữa các đơn vị thành viên của Công ty và quan hệ giữa đơn vị thành viên với đơn vị phụ thuộc

1. Quan hệ giữa các đơn vị thành viên của Công ty:

a) Quan hệ giữa các đơn vị thành viên của Công ty thực hiện trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền ký kết theo quy định của pháp luật và Điều lệ của đơn vị;

b) Quan hệ giữa các đơn vị sự nghiệp với các đơn vị thành viên khác của Công ty thực hiện trên cơ sở hợp đồng hoặc thỏa thuận, cam kết theo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp;

c) Các công ty con, công ty liên kết, công ty tự nguyện liên kết có trách nhiệm thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và những ràng buộc quy định tại các quy trình quy phạm và hợp đồng hoặc cam kết giữa các bên, các ràng buộc về chỉ tiêu và tiêu chuẩn kỹ thuật để bảo đảm chất lượng sản phẩm và định hướng phát triển diện tích trồng cao su, chất lượng hàng hóa và thị trường xuất khẩu.

2. Quan hệ giữa đơn vị thành viên với đơn vị phụ thuộc:

Các đơn vị phụ thuộc được phân cấp hoặc ủy quyền ký kết hợp đồng với các đơn vị thành viên của Công ty theo quy định của Điều lệ và các quy định quản lý của Công ty.

Quan hệ giữa các đơn vị thành viên với các đơn vị phụ thuộc Công ty thực hiện trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi phù hợp với phân cấp hoặc ủy quyền của Công ty đối với đơn vị phụ thuộc.

Điều 56. Vốn của Công ty tại công ty con, công ty liên kết

1. Vốn của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết, bao gồm: vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị tài sản hữu hình hoặc vô hình thuộc sở hữu của Công ty đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.

2. Vốn Nhà nước đầu tư, góp vào doanh nghiệp khác giao cho Công ty quản lý.

3. Vốn tài đầu tư từ lợi tức được chia.

4. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Quyền và nghĩa vụ của Công ty trong quản lý cổ phần, vốn góp tại công ty con, công ty liên kết

1. Hội đồng thành viên Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của:

a) Chủ sở hữu tại các công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ;

b) Chủ sở hữu cổ phần, vốn góp tại công ty cổ phần, công ty liên doanh, công ty TNHH hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của Công ty trong quản lý cổ phần, vốn góp tại công ty con, công ty liên kết do Hội đồng thành viên Công ty thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau đây:

a) Quyết định đầu tư, góp vốn; tăng, giảm vốn đầu tư hoặc cổ phần, vốn góp theo quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ của công ty mà Công ty có cổ phần, vốn góp;

b) Quyết định cử, thay đổi, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đại diện, kiểm soát viên của Công ty tại công ty con; giới thiệu người đại diện ứng cử vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của các công ty có vốn góp, cổ phần của Công ty phù hợp với các quy định tại Điều lệ của công ty và pháp luật liên quan tại Việt Nam và ở nước ngoài;

c) Quyết định giao số cổ phần, vốn góp tương ứng với số phiếu biểu quyết cho người đại diện;

d) Giao nhiệm vụ và chỉ đạo, yêu cầu người đại diện:

- Định hướng công ty thực hiện các mục tiêu và kế hoạch phối hợp đầu tư, sản xuất, kinh doanh của Công ty;

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả đầu tư, sản xuất, kinh doanh và các nội dung khác;

- Báo cáo những vấn đề quan trọng của công ty có cổ phần, vốn góp của Công ty để xin ý kiến trước khi biểu quyết;

- Báo cáo việc sử dụng quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, quyền quyết định về thị trường, bí quyết công nghệ và những vấn đề khác để phục vụ mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty.

e) Giải quyết những đề nghị của người đại diện của Công ty tại công ty con, công ty liên kết;

f) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp ở các công ty con, công ty liên kết. Phần vốn thu về, kể cả lãi được chia do Công ty quyết định sử dụng để phục vụ cho các mục tiêu đầu tư, kinh doanh của Công ty. Trường hợp tổ chức lại Công ty thì việc quản lý phần vốn góp, cổ phần này thực hiện theo quy định của pháp luật;

g) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn của Công ty và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết;

h) Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện

1. Người đại diện phải là người đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

a. Đạt tiêu chuẩn chung của Đảng, pháp luật, Tập đoàn và tiêu chuẩn của chức danh dự kiến cử làm đại diện;

b. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam trú trường hợp đại diện vốn tại doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài hoặc trong các trường hợp đặc biệt khác;

c. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

d. Có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ được giao do cơ quan y tế có thẩm quyền chứng nhận. Thời điểm chứng nhận sức khỏe đến ngày nộp hồ sơ không quá sáu (06) tháng;

e. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

- f. Có đủ hồ sơ cá nhân được cấp có thẩm quyền thẩm định, xác minh, xác nhận;
- g. Hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;
- h. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- k. Đáp ứng tiêu chuẩn về độ tuổi và thời hạn cử làm Người đại diện theo quy định của Pháp luật và của Tập đoàn;
- l. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp có vốn của Công ty; có năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu của vị trí chức danh được cử làm Người đại diện;
- m. Đối với người trực tiếp đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài phải có đủ trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu công việc;
- n. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch Hội đồng thành viên và Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
- o. Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tập đoàn mà người đó được cử trực tiếp quản lý, trừ trường hợp có cổ phần được mua khi doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá;
- p. Không tham gia góp vốn thành lập hoặc tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp khác (các doanh nghiệp không do Tập đoàn đầu tư góp vốn) hoạt động trong cùng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh với doanh nghiệp mà người đó được cử làm đại diện, trừ trường hợp các doanh nghiệp đó có vốn đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp của Tập đoàn;
- q. Không trong thời gian bị cấm đảm nhiệm chức vụ, bị xem xét xử lý kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù, thi hành quyết định kỷ luật;
- r. Trường hợp đặc biệt, Hội đồng Quản trị Tập đoàn xem xét, quyết định.

2. Ngoài các tiêu chuẩn nêu tại Khoản 1 Điều này, Người đại diện nắm giữ các chức danh quản lý, điều hành hoặc các vị trí chức danh khác tại doanh nghiệp phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện

1. Báo cáo, xin ý kiến Công ty trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về các vấn đề sau đây:

a) Ngành, nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch sản xuất, kinh doanh;

b) Ban hành điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ; tăng hoặc giảm vốn điều lệ; bản, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc;

c) Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của doanh nghiệp;

d) Tổ chức lại, giải thể, phá sản;

e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.

2. Báo cáo kịp thời về việc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

3. Định kỳ hằng quý, hằng năm và đột xuất theo yêu cầu của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn của Công ty tổng hợp, báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính và kiến nghị giải pháp.

4. Không được tiếp tục làm người đại diện khi thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm được giao hoặc không còn đáp ứng tiêu chuẩn của người đại diện.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm gây tổn thất vốn của Công ty.

6. Thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về Công ty, điều lệ Công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 60. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi của người đại diện

1. Người đại diện phần vốn góp của Công ty làm việc, chuyên trách tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và quyền lợi khác do công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chi trả.

2. Người đại diện phần vốn Công ty, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp không chuyên trách tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được hưởng thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định của Tập đoàn.

Chương VI CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Điều 61. Vốn, tài sản và các quỹ

1. Vốn của Công ty bao gồm vốn do Tập đoàn đầu tư tại Công ty, vốn do Công ty tự huy động và các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn của Tập đoàn đầu tư tại Công ty bao gồm: vốn Tập đoàn cấp và vốn tự bổ sung từ lợi nhuận sau thuế.

3. Vốn điều lệ của Công ty là vốn do Tập đoàn đầu tư tại thời điểm chuyển đổi và vốn điều lệ bổ sung trong quá trình hoạt động được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

4. Công ty là đơn vị trực tiếp nhận vốn Tập đoàn đầu tư vào các dự án trọng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su, phát triển kinh doanh các ngành, nghề theo đăng ký kinh doanh do Công ty làm chủ đầu tư. Công ty được quyền đầu tư, điều chỉnh vốn đầu tư vào đơn vị sự nghiệp, công ty con, công ty liên kết căn cứ vào nhu cầu và hiệu quả kinh doanh theo quy định của pháp luật.

5. Tài sản của Công ty được hình thành từ vốn điều lệ của Công ty, vốn vay, các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư tại Công ty và các đơn vị thành viên.

Điều 62. Điều chỉnh vốn điều lệ

1. Trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ có thể tăng lên từ các nguồn sau:

- a) Lợi nhuận sau thuế;
- b) Vốn do chủ sở hữu đầu tư bổ sung;
- c) Vốn do chủ sở hữu giao.

2. Việc điều chỉnh vốn điều lệ Công ty do Tập đoàn quyết định.

3. Khi điều chỉnh vốn điều lệ, Công ty phải tiến hành điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối kế toán, công bố vốn điều lệ và thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Tập đoàn chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

Điều 63. Điều chỉnh vốn góp của Công ty tại các đơn vị thành viên

1. Đối với các đơn vị thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ: Công ty được rút vốn đã đầu tư vào các đơn vị thành viên trong trường hợp tổ chức lại các đơn vị thành viên nhưng phải đảm bảo khả năng thanh toán của các đơn vị thành viên và không thấp hơn mức vốn pháp định do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định. Trường hợp không điều chỉnh vốn điều lệ thì Công ty chỉ được rút vốn thông qua hình thức chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn cho các tổ chức, cá nhân khác.

2. Đối với các công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty, công ty liên kết:

- a) Công ty có quyền rút vốn đã đầu tư thông qua phương thức bán lại số vốn đã đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật;
- b) Công ty có quyền bổ sung, điều chuyển vốn đầu tư vào công ty có cổ phần, vốn góp của Công ty, công ty liên kết theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận

Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của Công ty và quy định của pháp luật liên quan.

Điều 65. Kế hoạch tài chính, kế toán, kiểm toán và thống kê

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Công ty xây dựng hệ thống phần mềm kế toán và tiêu chuẩn cung cấp thông tin kế toán để áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu biểu mẫu kế toán thống kê định kỳ.

3. Tổng giám đốc trình Hội đồng thành viên phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính, kế hoạch lao động, tiền lương năm sau của Công ty để báo cáo chủ sở hữu theo quy định;

4. Trong thời hạn quy định của pháp luật, sau khi kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc Công ty phải trình Hội đồng thành viên báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu báo cáo tài chính.

5. Các đơn vị thành viên phải lập và trình Công ty báo cáo tài chính và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, tính pháp lý của số liệu báo cáo tài chính trình Công ty.

6. Hội đồng thành viên Công ty thông qua báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

7. Công ty thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

8. Hội đồng thành viên của Công ty thực hiện báo cáo chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

Chương VII TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 66. Tổ chức lại Công ty

Các hình thức tổ chức lại Công ty bao gồm: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

1. Việc tổ chức lại Công ty do Tập đoàn quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Tập đoàn quyết định hình thức tổ chức lại Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 67. Chuyển đổi sở hữu của Công ty

1. Công ty phải chuyển đổi sở hữu trong trường hợp Tập đoàn quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch, trình tự, thủ tục chuyển đổi Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức chuyển đổi.

Điều 68. Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong trường hợp sau:

a) Kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa làm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn;

b) Không thực hiện được các nhiệm vụ do Tập đoàn giao theo quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

c) Việc tiếp tục duy trì Công ty là không cần thiết.

2. Tập đoàn quyết định giải thể Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 69. Phá sản Công ty

Trong trường hợp Công ty mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì thực hiện các thủ tục yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định của Luật phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương VIII **SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

Điều 70. Quyền tiếp nhận sổ sách và hồ sơ Công ty

1. Định kỳ hàng quý, năm, Công ty có trách nhiệm gửi báo cáo Tập đoàn và các cơ quan nhà nước liên quan các báo cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu về cung cấp thông tin của Tập đoàn.

Trong trường hợp đột xuất, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tập đoàn yêu cầu (hàng văn bản), Công ty phải cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyền quản lý nhà nước và quyền của chủ sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài việc yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu chuẩn bị cho các cuộc họp thường kỳ, đột xuất của Hội đồng thành viên, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các cán bộ, viên chức quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên.

3. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức:

a) Chuẩn bị nội dung để Hội đồng thành viên thông qua báo cáo trình Tập đoàn và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty theo quy định của pháp luật.

4. Người lao động trong Công ty có quyền tìm hiểu thông tin về Công ty thông qua Hội nghị toàn thể người lao động hoặc Hội nghị đại biểu người lao động của Công ty.

Điều 71. Công khai thông tin

1. Tổng giám đốc Công ty là người quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin của Công ty ra bên ngoài. Các Phòng và bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quy định của Công ty, Tập đoàn và Nhà nước;

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi các thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương IX **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ,** **SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Điều 72. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ của Công ty được căn cứ theo Điều lệ này trên nguyên tắc hòa giải.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo Điều lệ này không được các bên chấp thuận, thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa ra các cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp để giải quyết.

Điều 73. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty

Tập đoàn quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thành viên Công ty.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 74. Hiệu lực và phạm vi thi hành

1. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Tất cả các cá nhân, các đơn vị thành viên và đơn vị phụ thuộc của Công ty có trách nhiệm thi hành Điều lệ này;
2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành;
3. Các công ty con, đơn vị sự nghiệp, đơn vị phụ thuộc của Công ty căn cứ vào các quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của đơn vị và Điều lệ này để xây dựng Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động;
4. Điều lệ hoặc Quy chế của công ty con, đơn vị sự nghiệp, đơn vị phụ thuộc không được trái với Điều lệ này;
5. Trong trường hợp các quy định của pháp luật hiện hành thay đổi dẫn đến mâu thuẫn với quy định tại Điều lệ này thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



The stamp is circular and red, containing the text: "TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM" around the perimeter and "CÔNG TY CỔ PHẦN" at the bottom. A handwritten signature in black ink is written over the stamp.

Trần Ngọc Thuận



PHỤ LỤC

được đính kèm theo Quyết định số 512 /QĐ-HDQTCSVN,
ngày 05 tháng 12 năm 2018.
của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần)

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, SỰ NGHIỆP, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT THUỘC CÔNG TY (Tại thời điểm phê duyệt điều lệ)

I. CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, SỰ NGHIỆP:

1. Nông trường cao su Iaglai;
2. Nông trường cao su Iahlốp;
3. Nông trường cao su Iatiêm;
4. Nông trường cao su Iako;
5. Nông trường cao su Ialâu;
6. Xi nghiệp Cơ khí chế biến;
7. Xi nghiệp Kinh doanh tổng hợp;
8. Trung tâm Y tế cao su Chư Sê;
9. Trường Mầm non cao su Chư Sê.

II. CÔNG TY CON:

1. Công ty cổ phần cao su Chư Sê - Kampongthom;
2. Công ty TNHH hai thành viên chế biến kinh doanh gỗ cao su Chư Sê;
3. Công TNHH MTV khu công nghiệp VRG Gia Lai.

III. CÔNG TY LIÊN KẾT:

1. Công ty cổ phần VRG Bảo Lộc;
2. Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và du lịch cao su.

